ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 837 /UBND-VX V/v hướng dẫn triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	*Lai Châu, ngày 28 tháng 4 năm 2020*

Kính gửi:
- Các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Để kịp thời hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, Uỷ ban nhân dân tỉnh hướng dẫn triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, cụ thể như sau:

I. HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÃN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HOẶC NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG

1. Điều kiện hỗ trợ

Người lao động được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

a) Thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của hợp đồng lao động, từ 01 tháng liên tục trở lên tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020 và thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến ngày 01 tháng 6 năm 2020.

b) Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tính đến thời điểm ngay trước khi tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương.

c) Làm việc tại các doanh nghiệp không có doanh thu hoặc không còn nguồn tài chính để trả lương (sau khi đã sử dụng các quỹ dự phòng tiền lương, nguồn lợi nhuận sau thuế và các nguồn tài chính hợp pháp khác của doanh nghiệp, số dư đến ngày 31 tháng 3 năm 2020) do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

2. Mức và thời gian hỗ trợ

a) Mức hỗ trợ là 1.800.000 đồng/người/tháng.

b) Hỗ trợ hàng tháng, theo thời gian người lao động bị tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương nhưng không quá 03 tháng, tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện

a) Hồ sơ đề nghị theo biểu mẫu số 01 kèm theo văn bản này.

b) Doanh nghiệp lập danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ không hưởng lương bảo đảm điều kiện theo mục 1, phần I văn bản này; đề nghị tổ chức công đoàn cơ sở (nếu có) và cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận danh sách này.

c) Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách theo đề nghị của doanh nghiệp, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động theo quy định tiết b, mục 1, phần I văn bản này và gửi doanh nghiệp.

d) Doanh nghiệp gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt trụ sở.

e) Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

f) Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do UBND cấp huyện đề nghị, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ.

g) Căn cứ quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chi trả cho người lao động trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

II. HỖ TRỢ HỘ KINH DOANH

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Doanh thu do cơ quan thuế thực hiện quản lý thuế đối với hộ kinh doanh năm 2020 dưới 100 triệu đồng, được xác định tại thời điểm ngày 15 tháng 01 năm 2020 theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

b) Tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Công bố danh mục loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tạm đình chỉ hoạt động trên địa bàn tỉnh Lai Châu để đảm bảo phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và các Quyết định của UBND các huyện, thành phố thực hiện Chỉ thị 06/CT-UBND ngày 27/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về quyết liệt thực hiện đợt cao điểm phòng, chống dịch Covid-19, triển khai thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Mức và thời gian hỗ trợ

a) Mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/hộ/tháng.

b) Thời gian hỗ trợ hàng tháng, theo thời gian tạm ngừng kinh doanh tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2020, đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020, nhưng tối đa không quá 03 tháng.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện

a) Hồ sơ đề nghị theo biểu mẫu số 02 kèm theo văn bản này, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Trong 05 ngày, Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh; niêm yết công khai; tổng hợp, báo cáo gửi Chi cục Thuế.

c) Trong 02 ngày làm việc, Chi cục Thuế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Trong 03 ngày làm việc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

e) Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do UBND cấp huyện đề nghị, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ. Trường hợp không hỗ trợ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

f) Căn cứ quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện chi trả trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

III. HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG BỊ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC NHƯNG KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP

1. Điều kiện hỗ trợ

Người lao động được hỗ trợ kinh phí khi có đủ các điều kiện sau đây: có giao kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc trước thời điểm ngày 01 tháng 4 năm 2020 và đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 15 tháng 6 năm 2020; không có thu nhập hoặc có thu nhập thấp hơn mức chuẩn cận nghèo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Mức và thời gian hỗ trợ

a) Mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/người/tháng.

b) Thời gian hỗ trợ hàng tháng, theo thời gian người lao động bị mất việc làm, nhưng tối đa không quá 03 tháng, tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện

a) Hồ sơ đề nghị theo biểu mẫu số 03 kèm theo văn bản này.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát và xác nhận mức thu nhập, tổng hợp danh sách trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Trong 02 ngày làm việc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

d) Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do UBND cấp huyện đề nghị, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ. Trường hợp không hỗ trợ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

e) Căn cứ quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chi trả cho người lao động trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

IV. HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÔNG CÓ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG BỊ MẤT VIỆC LÀM

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

- Mất việc làm và có thu nhập thấp hơn mức chuẩn cận nghèo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, trong thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương;

- Thuộc lĩnh vực phi nông nghiệp, làm một trong những công việc sau:

+ Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định;

+ Thu gom rác, phế liệu; bốc vác, vận chuyển hàng hóa;

+ Lái xe mô tô 2 bánh chở khách, xe xích lô chở khách;

+ Bán lẻ xổ số lưu động;

+ Tự làm hoặc làm việc tại các hộ kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe.

b) Nguồn kinh phí hỗ trợ người bán lẻ xổ số lưu động được bảo đảm từ các nguồn tài chính hợp pháp của Công ty TNHH Xổ số kiến thiết tỉnh Lai Châu và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Mức và thời gian hỗ trợ

a) Mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/người/tháng.

b) Thời gian hỗ trợ hàng tháng, theo thời gian người lao động bị mất việc làm, nhưng tối đa không quá 03 tháng, tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020.

3. Hồ sơ và trình tự, thủ tục

a) Hồ sơ đề nghị theo biểu mẫu số 04 kèm theo văn bản này, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã sau ngày 15 hàng tháng. Trường hợp người lao động có nơi thường trú và tạm trú không trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nếu đề nghị hưởng hỗ trợ tại nơi thường trú thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tạm trú về việc không đề nghị hưởng các chính sách hỗ trợ theo theo văn bản này và ngược lại.

b) Trong 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức rà soát và lập danh sách người lao động đủ điều kiện hưởng hỗ trợ với sự tham gia giám sát của đại diện các tổ chức chính trị - xã hội và công khai với cộng đồng dân cư; niêm yết công khai danh sách người lao động đề nghị hỗ trợ trong 02 ngày làm việc; tổng hợp danh sách người lao động đủ điều kiện gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

d) Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do UBND cấp huyện đề nghị, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ. Trường hợp không hỗ trợ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

e) Căn cứ quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện chi trả cho người lao động trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

V. HỖ TRỢ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG; HỘ THUỘC HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO VÀ ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI

1. Người có công với cách mạng

a) Điều kiện hỗ trợ: Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng (bao gồm cả thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động hàng tháng) trong danh sách hưởng trợ cấp tháng 4 năm 2020.

b) Định mức, thời gian, phương thức chi trả

- Định mức: 500.000 đồng/người/tháng.

- Thời gian hỗ trợ: 03 tháng, từ tháng 4 năm 2020 đến tháng 6 năm 2020.

- Phương thức chi trả: Thực hiện chi trả 01 lần.

c) Trình tự, thủ tục

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ danh sách đối tượng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng, rà soát, lập danh sách đối tượng theo biểu mẫu số 05 ban hành kèm theo công văn này, đồng thời gửi danh sách người có công được hỗ trợ cho UBND cấp xã để đối chiếu, lọc trùng đối tượng với các nhóm khác.

- Sau khi rà soát đối tượng trùng lắp, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội lập danh sách trình Chủ tịch UBND cấp huyện đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội). Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách do UBND cấp huyện đề nghị, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ.

- Sau khi có quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chi trả cho đối tượng trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền giao, hoàn thành trước ngày 15/5/2020.

2. Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng

a) Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng (đối tượng quy định tại Điều 5, Nghị định 136/2013/NĐ-CP) và đối tượng bảo trợ xã hội đang nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội trong danh sách hưởng trợ cấp xã hội tháng 4 năm 2020.

b) Định mức, thời gian, phương thức chi trả

- Mức hỗ trợ: 500.000 đồng/người/tháng.

- Thời gian hỗ trợ: 03 tháng, từ tháng 4 năm 2020 đến tháng 6 năm 2020.

- Phương thức chi trả: Thực hiện chi trả một lần.

c) Trình tự, thủ tục

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, thẩm định, lập danh sách đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng theo biểu mẫu số 06, đồng thời gửi danh sách đối tượng bảo trợ xã hội cho UBND cấp xã để đối chiếu, lọc trùng đối tượng với các nhóm khác.

- Sau khi rà soát đối tượng trùng lắp, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội lập danh sách trình Chủ tịch UBND cấp huyện đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội). Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách của UBND cấp huyện, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ.

- Sau khi có quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội làm thủ tục chuyển danh sách đối tượng, kinh phí hỗ trợ sang cơ quan Bưu điện để chi trả cho đối tượng trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền gia, hoàn thành trước ngày 15/5/2020.

3. Hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Điều kiện hỗ trợ: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 của địa phương được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận theo chuẩn nghèo quốc gia quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Định mức, thời gian, phương thức chi trả

- Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/người/tháng.

- Thời gian hỗ trợ: 03 tháng, từ tháng 4 năm 2020 đến tháng 6 năm 2020.

- Phương thức chi trả: Thực hiện chi trả một lần.

c) Trình tự, thủ tục

- Căn cứ danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận, UBND cấp xã rà soát, đối chiếu đối tượng trùng với danh sách người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, sau đó tổng hợp theo biểu mẫu số 07, biểu mẫu 08 và biểu mẫu 09 gửi UBND cấp huyện tổng hợp.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách theo đề nghị của UBND cấp xã, UBND cấp huyện thẩm định, lọc đối tượng trùng và tổng hợp theo biểu mẫu số 07 biểu mẫu 08 và biểu mẫu 09 đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách theo đề nghị của UBND cấp huyện, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt danh sách người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ.

d) Căn cứ quyết định hỗ trợ của UBND tỉnh, UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện chi trả trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền giao, hoàn thành trước ngày 15/5/2020.

VI. HỖ TRỢ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VAY VỐN ĐỂ TRẢ LƯƠNG NGỪNG VIỆC ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Điều kiện vay vốn

a) Có từ 20% hoặc từ 30 người lao động trở lên đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc phải ngừng việc từ 01 tháng liên tục trở lên; đã trả trước tối thiểu 50% tiền lương ngừng việc cho người lao động trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2020.

b) Đang gặp khó khăn về tài chính, không cân đối đủ nguồn để trả lương ngừng việc cho người lao động, đã sử dụng hết quỹ dự phòng tiền lương để trả lương cho người lao động ngừng việc.

c) Không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2. Hồ sơ, thủ tục xác nhận, phê duyệt người sử dụng lao động đủ điều kiện được vay vốn

a) Hồ sơ đề nghị theo biểu mẫu số 10 và 11 kèm theo văn bản này.

b) Chậm nhất ngày 05 hàng tháng, người sử dụng lao động có nhu cầu gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có trụ sở hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc nơi cư trú (đối với hộ kinh doanh, cá nhân).

c) Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, tổng hợp danh sách tại biểu mẫu số 12 và 13 kèm theo văn bản này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

d) Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tổng hợp, thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách gửi chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và người sử dụng lao động trong danh sách. Trường hợp không phê duyệt, Sở Lao động, Thương binh và xã hội tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Phê duyệt cho vay và tổ chức giải ngân

a) Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ vay vốn theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội và Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh phê duyệt cho vay. Trường hợp không cho vay thì thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do đến người sử dụng lao động.

b) Việc giải ngân của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2020.

4. Nguồn vốn cho vay, chi phí quản lý

a) Nguồn vốn để Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh thực hiện cho người sử dụng lao động vay theo quy định tại Quyết định này là nguồn vay tái cấp vốn không có tài sản đảm bảo, lãi suất 0%/năm từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

b) Ngân sách nhà nước cấp phí quản lý đối với các khoản cho vay theo quy định tại Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ và theo quy định hiện hành về cơ chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

5. Chuyển nợ quá hạn và xử lý rủi ro vốn vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Đến kỳ hạn trả nợ, nếu người sử dụng lao động vay vốn không trả được nợ thì Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại của khoản

vay sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 12%/năm. Số tiền lãi quá hạn thu hồi được giảm trừ vào chi phí quản lý của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh được ngân sách nhà nước cấp hằng năm.

b) Sau 03 năm kể từ ngày khoản nợ vay của người sử dụng lao động bị chuyển nợ quá hạn, sau khi Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã áp dụng mọi biện pháp mà không thu hồi được nợ và người sử dụng lao động không còn khả năng trả nợ do các nguyên nhân được quy định trong quy chế xử lý rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội; Ngân hàng Chính sách xã hội tổng hợp, lập hồ sơ xử lý rủi ro theo hướng dẫn và báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

c) Trường hợp Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thu hồi được khoản nợ đã được xoá thì số thu hồi được giảm trừ vào chi phí quản lý của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh được ngân sách nhà nước cấp hằng năm.

Trên đây là hướng dẫn triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19. Các nội dung khác không quy định tại Văn bản này, thực hiện theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 814/UBND-VX ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các địa phương, đơn vị phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để xem xét, giải quyết.

Căn cứ nội dung Văn bàn này, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy; } (để b/c)
- TT. HĐND tỉnh; }
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: V, C, CB;
- Lưu: VT, VX2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu
Ngày ký: 28-04-2020 15:53:39 +07:00

Trần Tiến Dũng

Mẫu số: 01

TÊN DOANH NGHIỆP.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÃN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG

Tháng ….

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thành phố……

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

1. Tên doanh nghiệp:
2. Mã số doanh nghiệp:
3. Địa chỉ:

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÃN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG

T	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ (Tên TK, Số TK, Ngân hàng)	Ghi chú

	Cộng									

(Số tiền hỗ trợ bằng chữ: ……..)

Ngày….tháng….năm….

Xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội

(Ký tên và đóng dấu)

Xác nhận của tổ chức công đoàn

(Ký tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ….

Hồ sơ kèm theo gồm có: Bản sao văn bản thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương; Bản sao Báo cáo tài chính năm 2019, quý I năm 2020 và các giấy tờ chứng minh tài chính khác của doanh nghiệp.

Mẫu số: 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

(Dành cho hộ kinh doanh có doanh thu khai thuế dưới 100 triệu đồng/năm)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn …….

I. THÔNG TIN HỘ KINH DOANH

1. Tên hộ kinh doanh: ……
2. Địa điểm kinh doanh: ……..……
3. Ngành, nghề kinh doanh: ……
4. Mã số thuế hoặc mã số đăng ký kinh doanh: …….

II. THÔNG TIN VỀ ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH

1. Họ và tên: …….. Ngày….tháng….năm sinh: ……
2. Dân tộc: …… Giới tính: …….
3. Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số:…...……

Ngày cấp: ..../..../.....Nơi cấp……..……

4. Số điện thoại: ……Địa chỉ email (nếu có)……
5. Nơi ở hiện nay (1):……..

Kể từ ngày **...../...../.....** đến ngày …., hộ kinh doanh bị tạm ngừng kinh doanh theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố …… triển khai thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Đề nghị Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ….. xem xét, giải quyết hỗ trợ cho tôi theo đúng quy định.

Nếu được hỗ trợ, đề nghị thanh toán qua hình thức:

☐ Tài khoản (Tên tài khoản…….Số tài khoản tại ngân hàng:…….)

☐ Bưu điện (Theo địa chỉ nơi ở)

☐ Trực tiếp

Tôi cam đoan nội dung ghi trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Gửi kèm theo Đơn là Bản sao Thông báo nộp thuế theo Mẫu số 01/TBT-CNKD ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2020

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ, thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc.

Mẫu số: 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

(Dành cho người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn …….

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Họ và tên:……Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....

2. Dân tộc: ……. Giới tính:

3. Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: ……/……./. Nơi cấp:

4. Nơi ở hiện tại:

Nơi thường trú:

Nơi tạm trú:

Điện thoại liên hệ:

II. THÔNG TIN VỀ VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP CHÍNH TRƯỚC KHI CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG/HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC

1. Ngày ...../...../2020, tôi đã chấm dứt hợp đồng lao động/hợp đồng làm việc với (tên đơn vị)tại địa chỉ:……..……..……..…….

2. Thu nhập bình quân tháng trước khi mất việc làm:…… đồng/tháng

3. Số sổ bảo hiểm xã hội:

Trường hợp không có Sổ bảo hiểm xã hội thì nêu rõ lý do:

III. THÔNG TIN VỀ TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP HIỆN NAY

1. Công việc chính:

2. Thu nhập hiện nay: ……..đồng/tháng

Hiện nay, tôi chưa hưởng các chính sách hỗ trợ khác theo quy định tại Quyết định số …./2020/QĐ-TTg ngày …. tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó

khăn do đại dịch COVID-19, tôi đề nghị Ủy ban nhân dân xem xét, giải quyết hỗ trợ cho tôi theo quy định.

Nếu được hỗ trợ, đề nghị thanh toán qua hình thức:

☐ Tài khoản (Tên tài khoản:.....… Số tài khoản:…….Ngân hàng:…….)

☐ Bưu điện (Theo địa chỉ nơi ở)

☐ Trực tiếp

Tôi cam đoannội dung ghi trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Gửi kèm theo Đơn đề nghị là……[1]

....., ngày ..... tháng ..... năm 2020

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: *1. Bản sao một trong các giấy tờ sau:*

- Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động;

- Quyết định thôi việc;

- Thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc;

- Bản sao Sổ bảo hiểm xã hội hoặc xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp. Trường hợp không có Sổ bảo hiểm xã hội thì người lao động nêu rõ lý do trong Giấy đề nghị.

Mẫu số: 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

(Dành cho người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (xã/phường/thị trấn)……

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Họ và tên: ……Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....

2. Dân tộc: ……. Giới tính:

3. Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: ……./……../. Nơi cấp:

4. Nơi ở hiện tại:

Nơi thường trú:

Nơi tạm trú:

Điện thoại liên hệ:

5. Số sổ bảo hiểm xã hội (nếu có): Số thẻ bảo hiểm y tế:

II. THÔNG TIN VỀ VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP CHÍNH TRƯỚC KHI MẤT VIỆC LÀM

1. Công việc chính [1]:

☐ Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định

☐ Thu gom rác, phế liệu

☐ Bốc vác, vận chuyển hàng hóa

☐ Lái xe mô tô 2 bánh chở khách, xe xích lô chở khách

☐ Bán lẻ vé số lưu động

☐ Tự làm hoặc làm việc tại hộ kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe

2. Nơi làm việc [2]:

3. Thu nhập bình quân tháng trước khi mất việc làm:…….. đồng/tháng

III. THÔNG TIN VỀ TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP HIỆN NAY

1. Công việc chính:

2. Thu nhập hiện nay: …….đồng/tháng.

Hiện nay, tôi chưa hưởng các chính sách hỗ trợ khác theo quy định tại Quyết định số …./2020/QĐ-TTg ngày …. tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, tôi đề nghị Ủy ban nhân dân xem xét, giải quyết hỗ trợ theo quy định.

Nếu được hỗ trợ, đề nghị thanh toán qua hình thức:

☐ Tài khoản (Tên tài khoản:...…. Số tài khoản: ……Ngân hàng: …..….)

☐ Bưu điện (Theo địa chỉ nơi ở)

☐ Trực tiếp

Tôi cam đoan nội dung ghi trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

….ngày……tháng….năm 2020

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Công việc đem lại thu nhập chính cho người lao động

2. Trường hợp làm việc cho hộ kinh doanh thì ghi tên, địa chỉ hộ kinh doanh

Mẫu số: 05

UBND HUYỆN.....

DANH SÁCH RÀ SOÁT ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI CÓ CÔNG ĐƯỢC HỖ TRỢ DO ĐẠI DỊCH COVID-19

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	NCC đang hưởng trợ cấp hàng tháng		Trùng đối tượng NCC hoặc đối tượng khác trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (ghi rõ đối tượng trùng)	Ghi chú
		Nam	Nữ			NCC đang hưởng TCUĐ hàng tháng (ghi rõ đối tượng)	Thương binh hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng		
	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng cộng:								

NGƯỜI LẬP BIỂU

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN …….

CHỦ TỊCH

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

1. Ghi số thứ tự từ 1 đến hết

2. Ghi rõ, đầy đủ họ và tên người thuộc đối tượng nhận hỗ trợ; ghi lần lượt theo từng đối tượng để tiện theo dõi, tổng hợp, kiểm tra

3 - 4. Ghi rõ ngày tháng năm sinh của đối tượng

5. Ghi số CMND, Thẻ căn cước công dân

6. Ghi chi tiết địa chỉ của đối tượng

7 - 8. Ghi loại đối tượng theo chính sách hiện đang hưởng như: Thương binh, bệnh binh…

9. Ghi rõ trùng đối tượng NCC với các đối tượng hỗ trợ khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Mẫu số: 06

UBND HUYỆN/THÀNH PHỐ .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 2020

DANH SÁCH

ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG ĐƯỢC HỖ TRỢ DO ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19

TT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng bảo trợ xã hội	Kinh phí (nghìn đồng)	
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ bị ảnh hưởng bởi COVID-19
	Tổng số							
1								
2								
3								

CÁN BỘ LẬP

(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND HUYỆN/THÀNH PHỐ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 07

Huyện….....

Xã…….....

DANH SÁCH NGƯỜI THUỘC HỘ NGHÈO HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
1	- Chủ hộ: Nguyễn Văn A - Thành viên khác trong hộ: (Xác định rõ họ và tên các thành viên trong hộ được nhận hỗ trợ theo hộ nghèo)					
2	….					
	Tổng cộng					

Ghi chú: Biểu tổng hợp này dùng cho cấp xã/huyện và phải xác định rõ họ và tên của chủ hộ, các thành viên trong hộ được nhận hỗ trợ theo hộ nghèo.

……. ngày ….. tháng ….. năm……

UBND XÃ/HUYỆN……..

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số: 08

Huyện….....

Xã…….....

DANH SÁCH NGƯỜI THUỘC HỘ CẬN NGHÈO HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

TT	Hộ	Tổng nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu được hỗ trợ theo hộ cận nghèo	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 2 x 3	5
1	- Chủ hộ: Nguyễn Thị C - Thành viên khác trong hộ: (Xác định rõ họ và tên các thành viên trong hộ được nhận hỗ trợ theo hộ cận nghèo)					
2	….					
	Tổng cộng					

Ghi chú:Biểu tổng hợp này dùng cho cấp xã/huyện và phải xác định rõ họ và tên của chủ hộ, các thành viên trong hộ được nhận hỗ trợ theo hộ cận nghèo.

……. ngày ….. tháng ….. năm……

UBND XÃ/HUYỆN…….

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số: 09

Huyện…..

Xã…….....

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

TT	Đơn vị	HỘ NGHÈO			HỘ CẬN NGHÈO			Tổng số nhân khẩu trong hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ	Mức hỗ trợ: 250.000 đồng/khẩu/tháng x 3 tháng = 750.000 đồng	Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
		Số hộ nghèo	Số nhân khẩu trong hộ nghèo	Số nhân khẩu trong hộ nghèo được hỗ trợ	Số hộ cận nghèo	Số nhân khẩu trong hộ cận nghèo	Số nhân khẩu trong hộ cận nghèo được hỗ trợ				
	B	1	2	3	4	5	6	7 = 3 + 6	8	9 = 7 x 8	10
	Xã/huyện										
	Xã/huyện										

Ghi chú: Biểu tổng hợp này dùng cho cấp xã/huyện.

……. ngày ….. tháng ….. năm……

UBND XÃ/HUYỆN…….

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số: 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH VAY VỐN ĐỂ TRẢ LƯƠNG NGỪNG VIỆC

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thành phố.....

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức/hợp tác xã/hộkinh doanh/cá nhân:

2.Địa chỉ trụ sở chính:

3. Điện thoại:

4. Mã số thuế:

5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:

Do.....Cấp ngày

6. Quyết định thành lập số:

7. Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do.....Cấp ngày

8. Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề số:

thời hạn còn hiệu lực (tháng, năm)

9. Họ và tên người đại diện:.....Chức vụ:

- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

- Ngày cấp: ..... Nơi cấp:

10. Giấy ủy quyền số ..... ngày ……/……/...…của

11.Vốn tự có/vốn điều lệ/vốn góp:

12. Các hồ sơ kèm theo:

a) Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều

kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

b) Danh sách người lao động phải ngừng việc do người sử dụng lao động lập theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định này.

c) Bản sao báo cáo tài chính năm 2019, quý I năm 2020 (đối với doanh nghiệp và tổ chức).

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2019 và 3 tháng đầu năm 2020

- Năm 2019:

+ Tổng doanh thu: …… ……... đồng

+ Tổng chi phí: …….. ……. đồng

+ Thuế: ……. …….. đồng

+ Lợi nhuận: … …… đồng

- 3 tháng đầu năm 2020:

+ Tổng doanh thu: … ……... đồng

+ Tổng chi phí: …… …….. ……. đồng

+ Thuế: ……..…… …….. đồng

+ Lợi nhuận: …… …… đồng

- Thời điểm 31/12/2019, không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Tình hình sử dụng lao động, tiền lương

- Tổng số lao động:.....người. Trong đó, số lao động đóng bảo hiểm xã hội thường xuyên đến 31/3/2020 là: ……..…….lao động.

- Số lao động ngừng việc tháng ..…/2020:.…lao động, chiếm…...%/tổng số lao động.

- Tiền lương ngừng việc phải trả tháng…/2020 là:……đồng, trong đó:

+ Tiền lương đã trả:..……..…..đồng.

+ Tiền lương chưa trả: ……...……....đồng.

Chúng tôi gặp khó khăn về tài chính, đã cân đối và sử dụng hết nguồn lực tài chính nhưng không đủ chi trả tiền lương ngừng việc cho người lao động. Chúng tôi có nhu cầu vay vốn để trả lương cho người lao động ngừng việc trong tháng……/2020.

III. ĐỀ NGHỊ

Căn cứ Quyết định số …./2020/QĐ-TTg ngày ….tháng …..năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ……..…..,

Đề nghị Ủy ban nhân dân ……xác nhận cho ……là đối tượng được hưởng chính sách vay vốn để trả lương ngừng việc tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Chúng tôi cam kết:

+ Chịu trách nhiệm về sự chính xác, trung thực của các thông tin đã cung cấp trên.

+ Thực hiện đầy đủ các cam kết với Ngân hàng Chính sách xã hội, sử dụng tiền vay đúng mục đích,thực hiện nghiêm túc kế hoạch trả nợ đảm bảo trả nợ đầy đủ, đúng hạn và cam kết sẽ dùng các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình để trả nợ Ngân hàngChính sách xã hội./.

…., ngày. …… tháng. ... năm. ...

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu NSDLĐ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số: 11

TÊN ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG BỊ NGỪNG VIỆC DO ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19
Tháng …/2020

Tên đơn vị: **Mã số doanh nghiệp:** **Mã số thuế:**

Ngành nghề kinh doanh chính: **Mức lương tối thiểu vùng áp dụng:**

Địa chỉ: **Tổng số lao động thường xuyên tại doanh nghiệp:** **Tổng số lao động bị ngừng việc:**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Số CMND/ CCCD	Phòng/ban/ phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số bảo hiểm xã hội	Thời gian ngừng việc		Tổng số tiền lương phải trả *(ngàn đồng)*	Số tiền lương đã trả *(ngàn đồng)*	Số tiền đề nghị vay để trả lương ngừng việc *(ngàn đồng)*	Số tài khoản nhận lương (nếu có)	Ngân hàng mở tài khoản	Chữ ký
		Nam	Nữ					Từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm	Thời gian *(tháng)*						
1															
2															
…															
…															

…..															
……															

Xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội

(Ký tên và đóng dấu)

Xác nhận của tổ chức công đoàn

(Ký tên và đóng dấu)

Ngày….tháng….năm….

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Lưu: ….

Mẫu số: 12

ỦY BAN NHÂN DÂN……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN VAY VỐN ĐỂ TRẢ LƯƠNG NGỪNG VIỆC THÁNG …/2020

(Ban hành kèm theo ……..)

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Mã số thuế	Tổng số lao động đóng BHXH	Số lao động ngừng việc		Số tiền lương đã trả người lao động ngừng việc *(triệu đồng)*	Số tiền cần vay để trả lương ngừng việc *(triệu đồng)*
					Số lao động	Tỷ lệ %		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								
…								
	Tổng cộng							

Mẫu số: 13

ỦY BAN NHÂN DÂN……..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC CỦA ĐƠN VỊ ……
Tháng …**/2020**
(Ban hành kèm theo ……..)

TT	Họ và tên	Số sổ bảo hiểm xã hội	Thời gian ngừng việc		Tiền lương ngừng việc		Tài khoản nhận lương	
			Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm	Thời gian	Phần do đơn vị trả	Phần vay NHCSXH	Số tài khoản	Ngân hàng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								
…								
	Tổng cộng							